

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100/TM-GDDĐT-VP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2015

V/v mời họp triển khai thể lệ Hội thi
“Thanh thiếu niên với pháp luật năm
2015”

Kg. *Châu* *Thiếu Đức* CB phụ trách
pháp chế *Đinh Văn*

TRƯỜNG CDKT. LÝ TỰ TRỌNG	
CV ĐẾN	Số: 369
	Ngày: 09/5/2015
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ:

Thực hiện Kế hoạch số 1077/KH-GDDĐT-PC ngày 15 tháng 04 năm 2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hội thi “Thanh thiếu niên Thành phố với pháp luật” năm 2015; Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức họp triển khai thể lệ hội thi cụ thể như sau:

1. Nội dung

- Triển khai thể lệ hội thi, cách thức thi vòng loại bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính với các câu hỏi tuyên truyền pháp luật.
- Triển khai nội dung trò chơi tìm hiểu pháp luật, rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm cho học sinh, sinh viên.
- Thông tin về danh sách học sinh, sinh viên tham gia; một số nội dung cần thiết liên quan đến hội thi.

2. Đối tượng

Cán bộ phụ trách pháp chế của các trường Cao đẳng, TCCN, THPT, Trung tâm GDTX.

3. Thời gian và địa điểm

Thời gian: **Từ 8g30 ngày 11 tháng 5 năm 2015 (Thứ Hai)**

Địa điểm: Hội trường 2.1-Sở Giáo dục và Đào tạo (66-68 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ông (Bà) thủ trưởng các đơn vị cử cán bộ, giáo viên tham dự đầy đủ, đúng thành phần quy định./.

Nhấn vào Đính kèm: Danh sách các đơn vị đăng ký tham gia Hội thi “Thanh thiếu niên với pháp luật” năm 2015.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, PC.

**TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Đã ký
Đỗ Minh Hoàng

DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA

VÒNG LOẠI HỘI THI “THANH THIẾU NIÊN VỚI PHÁP LUẬT” NĂM 2015

Khóa ngày 17/5/2015

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
1	001	Đỗ Huyền Thy		1998	THPT NGUYỄN DU
2	002	Hồ Tấn Phát	1998		THPT NGUYỄN DU
3	003	Đào Thùy Nguyên		1999	THPT NGUYỄN DU
4	004	Phạm Phối Như		1999	THPT NGUYỄN DU
5	005	Phạm Hoài Khang	1999		THPT NGUYỄN DU
6	006	Mai Thanh Phong	1999		THPT ĐÀO SƠN TÂY
7	007	Nguyễn Hữu Phát	1999		THPT ĐÀO SƠN TÂY
8	008	Lưu Đình Hải Yến		1999	THPT ĐÀO SƠN TÂY
9	009	Đỗ Thị Minh Thư		1999	THPT ĐÀO SƠN TÂY
10	010	Nguyễn Thiện Tâm		1999	THPT ĐÀO SƠN TÂY
11	011	Nguyễn Quốc Hưng	1999		THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
12	012	Vũ Quang Thành	1999		THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
13	013	Nguyễn Lê Bích Quân		1999	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
14	014	Nguyễn Thị Bích Huyền		1999	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
15	015	Trần Nguyễn Bảo Ngân		1999	THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
16	016	Trương Thị Hồng Xuân		1998	THPT NGUYỄN VĂN CỬ
17	017	Nguyễn Thị Quỳnh Như		1998	THPT NGUYỄN VĂN CỬ
18	018	Nguyễn Châu Bình		1998	THPT NGUYỄN VĂN CỬ
19	019	Phạm Nữ Thùy Ngân		1998	THPT NGUYỄN VĂN CỬ
20	020	Đỗ Phụng Nhi		1998	THPT NGUYỄN VĂN CỬ
21	021	Huỳnh Thị Thanh Thanh		1998	THPT BÌNH CHÁNH
22	022	Võ Trần Thanh Nhã		1998	THPT BÌNH CHÁNH
23	023	Phan Thanh Ngoan	1999		THPT BÌNH CHÁNH
24	024	Nguyễn Trọng Nhân	1998		THPT BÌNH CHÁNH
25	025	Trang Thảo Ly		1998	THPT BÌNH CHÁNH
26	026	Nguyễn Lê Nhã Trúc		1999	THPT MẠC ĐÌNH CHI
27	027	Nguyễn Phương Thảo		1999	THPT MẠC ĐÌNH CHI
28	028	Hồ Thị Thùy Trang		1999	THPT MẠC ĐÌNH CHI
29	029	Trần Lê Minh Thư		1999	THPT MẠC ĐÌNH CHI
30	030	Nguyễn Thị Huyền		1999	THPT MẠC ĐÌNH CHI
31	031	Bùi Hữu Đoàn	1998		THPT BÌNH TÂN
32	032	Lê Quốc Đạt	1998		THPT BÌNH TÂN
33	033	Hồ Nguyễn Phương Thảo		1998	THPT BÌNH TÂN
34	034	Huỳnh Thúy Vy		1998	THPT BÌNH TÂN
35	035	Huỳnh Thị Kim Phụng		1998	THPT BÌNH TÂN
36	036	Lê Trung Kiên			THPT VÕ THỊ SÁU
37	037	Đặng Thị Xuân Thảo			THPT VÕ THỊ SÁU
38	038	Bùi Thị Đức Thảo			THPT VÕ THỊ SÁU
39	039	Nguyễn Lê Tường Vân			THPT VÕ THỊ SÁU
40	040	Lê Gia Nguyên			THPT VÕ THỊ SÁU

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
41	041	Ngô Văn Trọng	1998		THPT TAM PHÚ
42	042	Đỗ Ngọc Thiên Ân	1998		THPT TAM PHÚ
43	043	Phạm Thị Bích Vân		1999	THPT TAM PHÚ
44	044	Đỗ Thị Minh Thùy		1999	THPT TAM PHÚ
45	045	Trần Thị Mai Phương		1998	THPT TAM PHÚ
46	046	Khuu Thị Vân Tuyền		1997	THPT TRẦN KHAI NGUYỄN
47	047	Đào Thị Thanh Trúc		1997	THPT TRẦN KHAI NGUYỄN
48	048	Dung Thuý Mi		1997	THPT TRẦN KHAI NGUYỄN
49	049	Lý Kiệt San		1997	THPT TRẦN KHAI NGUYỄN
50	050	Lê Mộng Thuý		1997	THPT TRẦN KHAI NGUYỄN
51	051	Bào Tôn Nữ Thu Phương		1999	THPT PHÚ NHUẬN
52	052	Lê Hoàng Trần		1999	THPT PHÚ NHUẬN
53	053	Dương Minh Đạo	1999		THPT PHÚ NHUẬN
54	054	Lâm Quốc Thanh	1999		THPT PHÚ NHUẬN
55	055	Phí Tuệ Thư		1999	THPT PHÚ NHUẬN
56	056	Nguyễn Phương Anh	1999		THPT BÌNH HƯNG HÒA
57	057	Nguyễn Thị Tường Vy	1999		THPT BÌNH HƯNG HÒA
58	058	Lê Nguyễn Quỳnh Như	1999		THPT BÌNH HƯNG HÒA
59	059	Huỳnh Anh Thắng		1999	THPT BÌNH HƯNG HÒA
60	060	Đoàn Thị Ngọc Châu	1999		THPT BÌNH HƯNG HÒA
61	061	Đinh Viêt An	1997		THPT HÀN THUYỀN
62	062	Lê Thanh Nhã	1997		THPT HÀN THUYỀN
63	063	Nguyễn Thị Thanh Phụng		1997	THPT HÀN THUYỀN
64	064	Nguyễn Thanh Quân	1997		THPT HÀN THUYỀN
65	065	Nguyễn Hạ Minh Trinh	1997		THPT HÀN THUYỀN
66	066	Bùi Vũ Yến Nhi		1998	THPT ĐA PHƯỚC
67	067	Phạm Thị Ngọc Lam		1998	THPT ĐA PHƯỚC
68	068	Đỗ Hồ Hoàng Minh	1998		THPT ĐA PHƯỚC
69	069	Nguyễn Văn Đồng	1998		THPT ĐA PHƯỚC
70	070	Nguyễn Thị Phương Như		1998	THPT ĐA PHƯỚC
71	071	Vũ Bắc Ngọc Phúc	1999		THPT MARIE CURIE
72	072	Lê Anh Thư		1999	THPT MARIE CURIE
73	073	Lý Hồng Lâm	1999		THPT MARIE CURIE
74	074	Nguyễn Thị Vân Anh		1999	THPT MARIE CURIE
75	075	Võ Ngọc Minh Phương		1999	THPT MARIE CURIE
76	076	Nguyễn Phương Duy	1999		THPT BÙI THỊ XUÂN
77	077	Hoàng Linh Đan	1999		THPT BÙI THỊ XUÂN
78	078	Nguyễn Hữu Tiến	1999		THPT BÙI THỊ XUÂN
79	079	Nguyễn Kiều Dung	1999		THPT BÙI THỊ XUÂN
80	080	Nguyễn Lê Hồng Nhung	1999		THPT BÙI THỊ XUÂN
81	081	Tăng Bảo Bội		1998	THPT TRẦN QUANG KHÁI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
82	082	Huỳnh Ái Đình		1998	THPT TRẦN QUANG KHÁI
83	083	Lê Thị Quyên		1998	THPT TRẦN QUANG KHÁI
84	084	Đặng Thị Nhật Vy		1998	THPT TRẦN QUANG KHÁI
85	085	Nguyễn Huỳnh Thiên Vy		1998	THPT TRẦN QUANG KHÁI
86	086	Lê Ngọc Băng Châu		1999	THPT LÊ MINH XUÂN
87	087	Nguyễn Mỹ Huyền		1999	THPT LÊ MINH XUÂN
88	088	Châu Mỹ		1999	THPT LÊ MINH XUÂN
89	089	Nguyễn Thanh Tâm		1998	THPT LÊ MINH XUÂN
90	090	Trần Huỳnh Thủy Tiên		1998	THPT LÊ MINH XUÂN
91	091	Lại Thị Hồng Nhung			THPT TẠ QUANG BỬU
92	092	Hồ Thanh Vy			THPT TẠ QUANG BỬU
93	093	Trần Thế Huy			THPT TẠ QUANG BỬU
94	094	Trần Lệ Nhi			THPT TẠ QUANG BỬU
95	095	Nguyễn Thị Ngọc Mai			THPT TẠ QUANG BỬU
96	096	Phạm Công Lợi	1998		THPT NGUYỄN HIỀN
97	097	Huỳnh Ngân Hà		1999	THPT NGUYỄN HIỀN
98	098	Đỗ Ngọc Bội		1998	THPT NGUYỄN HIỀN
99	099	Nguyễn Châu Tường Vy		1999	THPT NGUYỄN HIỀN
100	100	Bùi Vinh Quang	1998		THPT NGUYỄN HIỀN
101	101	Huỳnh Minh Tâm	1998		THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
102	102	Lê Tiến	1998		THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
103	103	Nguyễn Minh Đức	1998		THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
104	104	Phạm Phương Thảo		1998	THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
105	105	Nguyễn Thị Huyền Trang		1998	THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
106	106	Hà Huỳnh Hồng Hân		1999	THPT NGUYỄN VĂN LINH
107	107	Cao Ngọc Hương	1999		THPT NGUYỄN VĂN LINH
108	108	Hồ Trần Ngọc Giàu		1998	THPT NGUYỄN VĂN LINH
109	109	Nguyễn Thị Thùy Dương		1998	THPT NGUYỄN VĂN LINH
110	110	Nguyễn Thị Thu Trang		1998	THPT NGUYỄN VĂN LINH
111	111	Nguyễn Như Ý		1999	THPT BÀ ĐIỂM
112	112	Trương Thị Ngọc Hân		1999	THPT BÀ ĐIỂM
113	113	Võ Thị Thanh Hương		1999	THPT BÀ ĐIỂM
114	114	Mai Trúc Quỳnh		1999	THPT BÀ ĐIỂM
115	115	Trịnh Thành Trung	1999		THPT BÀ ĐIỂM
116	116	Phạm Hữu Khánh Linh		1998	THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG
117	117	Phạm Thị Thu Ngân		1998	THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG
118	118	Lê Quỳnh Như		1998	THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG
119	119	Trần Hồng Quang	1998		THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG
120	120	Nguyễn Hưng Thịnh	1998		THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG
121	121	Nguyễn Đức Thành Nhân	1999		THPT VÕ TRƯỜNG TOÁN
122	122	Trần Nguyễn Túc My		1999	THPT VÕ TRƯỜNG TOÁN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
123	123	Lâm Hoàng Nhi		1999	THPT VÕ TRƯỜNG TOÁN
124	124	Lê Gia Mẫn	1999		THPT VÕ TRƯỜNG TOÁN
125	125	Vũ Thị Ngọc Hương		1999	THPT VÕ TRƯỜNG TOÁN
126	126	Quách Phát Thắng			THPT NAM KỲ KHỞI NGHĨA
127	127	Phạm Thị Lan Anh			THPT NAM KỲ KHỞI NGHĨA
128	128	Traàn Thế Hà			THPT NAM KỲ KHỞI NGHĨA
129	129	Nguyễn Hữu Trọng			THPT NAM KỲ KHỞI NGHĨA
130	130	Lý Quỳnh Giao			THPT NAM KỲ KHỞI NGHĨA
131	131	Nguyễn Phương Hà Lan Anh		1998	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI
132	132	Lê Anh Tuấn	1998		THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI
133	133	Trần Minh Trung	1999		THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI
134	134	Nguyễn Hồng Nhật	1999		THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI
135	135	Trương Việt Nga		1999	THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI
136	136	Lê Gia Khiêm	1999		THPT TRƯỜNG CHINH
137	137	Trần Văn Phúc Thịnh	1999		THPT TRƯỜNG CHINH
138	138	Cái Thị như Quỳnh		1999	THPT TRƯỜNG CHINH
139	139	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		1999	THPT TRƯỜNG CHINH
140	140	Nguyễn Tấn Vũ	1999		THPT TRƯỜNG CHINH
141	141	Lê Thị Kiều Trâm			THPT AN NGHĨA
142	142	Trần Thị Thanh Tuyền			THPT AN NGHĨA
143	143	Huỳnh Công Minh			THPT AN NGHĨA
144	144	Võ Lê Mỹ Nhân			THPT AN NGHĨA
145	145	Nguyễn Thị Hồng Nhung			THPT AN NGHĨA
146	146	Phạm Thị Ánh Thi		1999	THPT NGUYỄN CHÍ THANH
147	147	Vũ Hoàng Quỳên	1999		THPT NGUYỄN CHÍ THANH
148	148	Trần Ngọc Khánh Vi		1999	THPT NGUYỄN CHÍ THANH
149	149	Nguyễn Ngô Ngọc Châu		1999	THPT NGUYỄN CHÍ THANH
150	150	Nguyễn Thị Thục Uyên		1999	THPT NGUYỄN CHÍ THANH
151	151	Nguyễn Quỳnh Trâm		1998	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
152	152	Nguyễn Ngọc Hồng Huyền		1998	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
153	153	Phan Gia Ý		1998	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
154	154	Nguyễn Thị Linh Chi		1998	THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
155	155	Đàm Vũ Quang Linh	1999		THPT NGUYỄN THÁI BÌNH
156	156	Trần Khôi Nguyên	1999		THPT TRẦN VĂN GIÀU
157	157	Nguyễn Hoàng Bảo Trâm		1999	THPT TRẦN VĂN GIÀU
158	158	Ngô Thành Đạt	1998		THPT TRẦN VĂN GIÀU
159	159	Trần Anh Khả Tuấn	1999		THPT TRẦN VĂN GIÀU
160	160	Mai Quang Thiện	1999		THPT TRẦN VĂN GIÀU
161	161	Nguyễn Thị Thanh Phương			THPT BÌNH PHÚ
162	162	Nguyễn Thị Ngọc			THPT BÌNH PHÚ
163	163	Nguyễn Ngọc Hiếu			THPT BÌNH PHÚ

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
164	164	Lê Hải Ngọc Trân			THPT BÌNH PHÚ
165	165	Phạm Thanh Phong			THPT BÌNH PHÚ
166	166	Trương Tuấn Anh	1999		THPT NGUYỄN HỮU CẢNH
167	167	Nguyễn Trọng Thắng	1999		THPT NGUYỄN HỮU CẢNH
168	168	Nguyễn Thị Cúc		1999	THPT NGUYỄN HỮU CẢNH
169	169	Nguyễn Trần Tường Vân		1999	THPT NGUYỄN HỮU CẢNH
170	170	Nguyễn Quang Hà		1999	THPT NGUYỄN HỮU CẢNH
171	171	Trần Thị Tú Anh		1998	THPT TRUNG VƯƠNG
172	172	Nguyễn Khánh Phương		1998	THPT TRUNG VƯƠNG
173	173	Nguyễn Thị Thanh Nhân		1998	THPT TRUNG VƯƠNG
174	174	Nguyễn Thùy Linh		1998	THPT TRUNG VƯƠNG
175	175	Lương Thị Hải Yến		1999	THPT TRUNG VƯƠNG
176	176	Lưu Thiện Hào	1997		THPT HÙNG VƯƠNG
177	177	Lê Nhật Linh		1999	THPT HÙNG VƯƠNG
178	178	Trần Thị Thùy Trang		1998	THPT HÙNG VƯƠNG
179	179	Nguyễn Lan Tường Vi		1999	THPT HÙNG VƯƠNG
180	180	Võ Nhật Minh	1999		THPT HÙNG VƯƠNG
181	181	Võ Hiếu Thảo		1998	THPT GIA ĐỊNH
182	182	Nguyễn Nữ Quỳnh Như		1998	THPT GIA ĐỊNH
183	183	Nguyễn Dũng Khôi Nguyên	1999		THPT GIA ĐỊNH
184	184	Nguyễn Thị Anh Thy		1999	THPT GIA ĐỊNH
185	185	Phạm Phương Quỳnh		1999	THPT GIA ĐỊNH
186	186	Nguyễn Lê Minh Anh	1999		THPT HOÀNG HOA THÁM
187	187	Trần Gia Bảo		1998	THPT HOÀNG HOA THÁM
188	188	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	1999		THPT HOÀNG HOA THÁM
189	189	Nguyễn Anh Khang	1999		THPT HOÀNG HOA THÁM
190	190	Lý Đại Nam	1999		THPT HOÀNG HOA THÁM
191	191	Đinh Thị Hà My		1998	THPT GIỒNG ÔNG TÓ
192	192	Đinh Thị Trà My		1998	THPT GIỒNG ÔNG TÓ
193	193	Nguyễn Thị Thanh An		1998	THPT GIỒNG ÔNG TÓ
194	194	Nguyễn Thị Trúc Diệp		1998	THPT GIỒNG ÔNG TÓ
195	195	Huỳnh Đoàn Tuyết Nhi		1998	THPT GIỒNG ÔNG TÓ
196	196	Nguyễn Thị Phương Trang		1999	THPT THỦ THIÊM
197	197	Nguyễn Thị Thu Thùy		1999	THPT THỦ THIÊM
198	198	Lê Đoàn Khánh Vy		1999	THPT THỦ THIÊM
199	199	Nguyễn Hoàng Phúc	1999		THPT THỦ THIÊM
200	200	Nguyễn Xuân Châu		1999	THPT THỦ THIÊM
201	201	Nguyễn Thanh Trà		1998	THPT TÂY THẠNH
202	202	Nguyễn Khánh Nhi		1998	THPT TÂY THẠNH
203	203	Lê Ngọc Ánh		1998	THPT TÂY THẠNH
204	204	Nguyễn Minh Thư		1998	THPT TÂY THẠNH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
205	205	Phạm Nguyễn Lan Thy		1998	THPT TÂY THẠNH
206	206	Phùng Gia Phúc	1999		THPT TÂN TÚC
207	207	Huỳnh Tấn Vinh	1998		THPT TÂN TÚC
208	208	Nguyễn Đoàn Duy Kha	1998		THPT TÂN TÚC
209	209	Đào Thị Ánh		1998	THPT TÂN TÚC
210	210	Lê Hoàng Trúc Giang		1998	THPT TÂN TÚC
211	211	Lê Ngọc Thùy Vy		1999	THPT CẦN THẠNH
212	212	Châu Thị Ngọc Hiền		1999	THPT CẦN THẠNH
213	213	Đỗ Hữu Minh Triết	1999		THPT CẦN THẠNH
214	214	Lê Thị Thanh Trang		1999	THPT CẦN THẠNH
215	215	Nguyễn Thị Yến Nhi		1999	THPT CẦN THẠNH
216	216	Trần Thị Thanh Phương		1999	THPT HIỆP BÌNH
217	217	Võ Thị Hương Thi		1999	THPT HIỆP BÌNH
218	218	Nguyễn Anh Kiệt	1999		THPT HIỆP BÌNH
219	219	Trịnh Việt Đức	1999		THPT HIỆP BÌNH
220	220	Đào Trần Thanh		1999	THPT HIỆP BÌNH
221	221	Nguyễn Ngọc Hoàng Gia		1998	THPT TÂN BÌNH
222	222	Trương Thị Thu Chinh		1998	THPT TÂN BÌNH
223	223	Nguyễn Đức Minh Hiếu	1999		THPT TÂN BÌNH
224	224	Võ Thị Mai Phương		1999	THPT TÂN BÌNH
225	225	Nguyễn Thanh Thoại	1999		THPT TÂN BÌNH
226	226	Hồ Gia Bảo			THPT TÂN PHONG
227	227	Lê Thị Duyên			THPT TÂN PHONG
228	228	Nguyễn Thị Loan			THPT TÂN PHONG
229	229	Trần Thúy Vy			THPT TÂN PHONG
230	230	Nguyễn Hùng Vỹ			THPT TÂN PHONG
231	231	Huỳnh Nghiệp Vĩ	1998		THPT NGUYỄN TẮT THÀNH
232	232	Nguyễn Thành Trung	1998		THPT NGUYỄN TẮT THÀNH
233	233	Đỗ Trọng Ân	1998		THPT NGUYỄN TẮT THÀNH
234	234	Trương Quang Huy	1999		THPT NGUYỄN TẮT THÀNH
235	235	Phan Nhã Tâm		1999	THPT NGUYỄN TẮT THÀNH
236	236	Trần Thị Thanh Tuyền			THPT PHƯỚC KIẾN
237	237	Trần Thị Thu Trang			THPT PHƯỚC KIẾN
238	238	Bùi Thị Diễm Phương			THPT PHƯỚC KIẾN
239	239	Nguyễn Thị Hồng Hạnh			THPT PHƯỚC KIẾN
240	240	Trần Phạm Kim Sen			THPT PHƯỚC KIẾN
241	241	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		1999	THPT TÂN THÔNG HỘI
242	242	Trương Thị Nhân		1999	THPT TÂN THÔNG HỘI
243	243	Nguyễn Hồng Tường Vy		1999	THPT TÂN THÔNG HỘI
244	244	Huỳnh Thị Hồng Nhung		1999	THPT TÂN THÔNG HỘI
245	245	Lê Thị Thanh Nhân		1999	THPT TÂN THÔNG HỘI

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
246	246	Trần Thị Lan Anh		1999	Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12
247	247	Trần Trương Thùy Trang		1999	Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12
248	248	Lê Đức Toàn	1996		Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12
249	249	Nguyễn Lê Quốc Việt	1996		Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12
250	250	Lý Gia Long	1998		Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12
251	251	Trần Thị Xuân Gấm		1995	TC KT&NV Nam Sài Gòn
252	252	Trần Thị Xuân Nhung		1995	TC KT&NV Nam Sài Gòn
253	253	Nguyễn Thị Anh Thư		1995	TC KT&NV Nam Sài Gòn
254	254	Nguyễn Minh Thương	1994		TC KT&NV Nam Sài Gòn
255	255	Đặng Minh Tiến	1996		TC KT&NV Nam Sài Gòn
256	256	Hồ Chí Dũng	1995		Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng
257	257	Tăng Mộng Long	1995		Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng
258	258	Nguyễn Văn Toàn	1995		Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng
259	259	Trương Thị Cẩm Hương		1995	Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng
260	260	Huỳnh Đô	1994		Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng
261	261	Nguyễn Văn Yên	1993		Cao đẳng Kinh tế TPHCM
262	262	Bùi Bảo Sang		1996	Cao đẳng Kinh tế TPHCM
263	263	Nguyễn Ngọc Châu		1996	Cao đẳng Kinh tế TPHCM
264	264	Phan Thị Tuyết Trinh		1995	Cao đẳng Kinh tế TPHCM
265	265	Nguyễn Thị Thu Hằng		1996	Cao đẳng Kinh tế TPHCM
266	266	Lê Hữu Thanh Long	1993		Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
267	267	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		1993	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
268	268	Đặng Thị Hồng Ngọc		1994	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
269	269	Trần Thị Thu Hằng		1995	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
270	270	Nguyễn Tuấn Kiệt	1995		Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức
271	271	Trương Thị Thanh Thảo		x	TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh
272	272	Lê Thị Mỹ Linh		x	TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh
273	273	Trần Thị Vân Khanh		x	TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh
274	274	Lê Thị Bích Liễu		x	TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh
275	275	Từ Thị Mỹ Hằng		x	TC KT-KT Nguyễn Hữu Cánh
276	276	Trần Thanh Cường	x		Trung cấp Đại Việt
277	277	Trịnh Thị Thu Hiền		x	Trung cấp Đại Việt
278	278	Phan Thị Ánh Nga		x	Trung cấp Đại Việt
279	279	Trần Thảo Vi		x	Trung cấp Đại Việt
280	280	Nguyễn Hồ Thị Thùy Linh		x	Trung cấp Đại Việt
281	281	Trần Đặng Tuấn Anh	1993		TRUNG TÂM GDTX Q. THỦ ĐỨC
282	282	Trần Quốc Nhân	1996		TRUNG TÂM GDTX Q. THỦ ĐỨC
283	283	Đặng Minh Cường	1994		TRUNG TÂM GDTX Q. THỦ ĐỨC
284	284	Nguyễn Lệ Sương		1994	TRUNG TÂM GDTX Q. THỦ ĐỨC
285	285	Trần Thị Cẩm Thu		1994	TRUNG TÂM GDTX Q. THỦ ĐỨC
286	286	Võ Thị Hồng Hoa			TRUNG TÂM GDTX H. HỌC MÔN

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
287	287	Võ Anh Thi			TRUNG TÂM GDTX H. HỌC MÔN
288	288	Đinh Thành Tú			TRUNG TÂM GDTX H. HỌC MÔN
289	289	Tạ Thị Thanh Hoa			TRUNG TÂM GDTX H. HỌC MÔN
290	290	Nguyễn Thanh Xuân			TRUNG TÂM GDTX H. HỌC MÔN
291	291	Lê Thanh Tuyền		1996	TRUNG TÂM GDTX Q.10
292	292	Vũ Hoàng Khánh Ngân		1993	TRUNG TÂM GDTX Q.10
293	293	Bùi Thị Minh Thy		1997	TRUNG TÂM GDTX Q.10
294	294	Võ Thanh Hiền	1995		TRUNG TÂM GDTX Q.10
295	295	Huỳnh Đức Nguyên	1993		TRUNG TÂM GDTX Q.10
296	296	Trương Lợi Hồng			THCS-THPT ĐÌNH THIÊN LÝ
297	297	Trần Thị Thảo Trang			THCS-THPT ĐÌNH THIÊN LÝ
298	298	Hồ Hoàng Oanh			THCS-THPT ĐÌNH THIÊN LÝ
299	299	Vũ Minh Nhật			THCS-THPT ĐÌNH THIÊN LÝ
300	300	Phạm Thái Hưng			THCS-THPT ĐÌNH THIÊN LÝ
301	301	Mai Thị Thúy Phương		1998	TRUNG TÂM GDTX Q. B THẠNH
302	302	Nguyễn Thị Thùy Trang		1998	TRUNG TÂM GDTX Q. B THẠNH
303	303	Nguyễn Ngọc Mai		1996	TRUNG TÂM GDTX Q. B THẠNH
304	304	Nguyễn Ngọc Hoàng Phúc	1998		TRUNG TÂM GDTX Q. B THẠNH
305	305	LigChinTsy		1998	TRUNG TÂM GDTX Q. B THẠNH
306	306	Võ Trường Linh			TRUNG TÂM GDTX Q.12
307	307	Nguyễn Văn Thật			TRUNG TÂM GDTX Q.12
308	308	Nguyễn Dương Phi			TRUNG TÂM GDTX Q.12
309	309	Phạm Nguyễn Phương Anh			TRUNG TÂM GDTX Q.12
310	310	Châu Hữu Hiếu			TRUNG TÂM GDTX Q.12
311	311	La Mỹ Huyền		1998	TRUNG TÂM GDTX Q.11
312	312	Trịnh Kim Quyền	1997		TRUNG TÂM GDTX Q.11
313	313	Nguyễn Thị Bích Vân		1997	TRUNG TÂM GDTX Q.11
314	314	Trần Thị Kim Loan		1996	TRUNG TÂM GDTX Q.11
315	315	Võ Hữu Ngợi	1994		TRUNG TÂM GDTX Q.11
316	316	Nguyễn Thị Kim Chi			TRUNG TÂM GDTX Q.3
317	317	Lê Ngọc Minh Trúc			TRUNG TÂM GDTX Q.3
318	318	Hồ Hoàng Nam			TRUNG TÂM GDTX Q.3
319	319	Nguyễn Thanh Nguyên Phúc			TRUNG TÂM GDTX Q.3
320	320	Dương Hoàng Khánh Linh			TRUNG TÂM GDTX Q.3
321	321	Đặng Văn Tốt			TH-THCS-THPT NGÔ THỜI NHIỆM
322	322	Nguyễn Thị Cẩm Thu			TH-THCS-THPT NGÔ THỜI NHIỆM
323	323	Trương Lê Gia Bảo			TH-THCS-THPT NGÔ THỜI NHIỆM
324	324	Nguyễn Thị Linh Đan			TH-THCS-THPT NGÔ THỜI NHIỆM
325	325	Từ Thanh Nhã			TH-THCS-THPT NGÔ THỜI NHIỆM
326	326	Trương Thị Sĩ	1997		THCS-THPT TRÍ ĐỨC
327	327	Huỳnh Thị Thủy Tiên		1997	THCS-THPT TRÍ ĐỨC

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	Nam	Nữ	ĐƠN VỊ
328	328	Nguyễn Đại Dương	1999		THCS-THPT TRÍ ĐỨC
329	329	Cần Đỗ Quỳnh Như		1999	THCS-THPT TRÍ ĐỨC
330	330	Trương Phú Tài	1998		THCS-THPT TRÍ ĐỨC
331	331	Nguyễn Thị Nhi		1998	TRUNG TÂM GDTX Q. PHÚ NHUẬN
332	332	Huỳnh Quang Anh Thiên	1997		TRUNG TÂM GDTX Q. PHÚ NHUẬN
333	333	Nguyễn Thị Bé		1995	TRUNG TÂM GDTX Q. PHÚ NHUẬN
334	334	Nuslayla		1999	TRUNG TÂM GDTX Q. PHÚ NHUẬN
335	335	Nguyễn Minh Khoa	1999		TRUNG TÂM GDTX Q. PHÚ NHUẬN
336	336	Ngô Vũ Minh Quân			TRUNG TÂM GDTX Q.8
337	337	Nguyễn Phương Dung			TRUNG TÂM GDTX Q.8
338	338	Phạm Hữu Lộc			TRUNG TÂM GDTX Q.8
339	339	Đặng Anh Tý			TRUNG TÂM GDTX Q.8
340	340	Hồ Võ Hoàng Hồng Thủy			TRUNG TÂM GDTX Q.8
341	341	Đoàn Lê Thanh Phong	1992		TRUNG TÂM GDTX Q.4
342	342	Đoàn Quốc Dũng	1988		TRUNG TÂM GDTX Q.4
343	343	Nguyễn Thị Thúy Hằng		1996	TRUNG TÂM GDTX Q.4
344	344	Nguyễn Trung Thành	1994		TRUNG TÂM GDTX Q.4
345	345	Phương Lê Hồng Đào		1996	TRUNG TÂM GDTX Q.4
346	346	Võ Thị Thủy		1990	TRUNG TÂM GDTX H. BÌNH CHÁNH
347	347	Nguyễn Hữu Vinh	1995		TRUNG TÂM GDTX H. BÌNH CHÁNH
348	348	Phạm Ánh Diệu Hiền		1998	TRUNG TÂM GDTX H. BÌNH CHÁNH
349	349	Lê Văn Hiền	1995		TRUNG TÂM GDTX H. BÌNH CHÁNH
350	350	Phạm Anh Hoài	1997		TRUNG TÂM GDTX H. BÌNH CHÁNH